

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2023/HS-ST
Ngày 20/9/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Sự và bà Phan Thị Mấy.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:*
Ông Phạm Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2023/TLST-HS ngày 30/8/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-HS ngày 06/9/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lương Văn L**, sinh năm 1988 tại xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 08/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn Đ, sinh năm 1958 và bà Ngân Thị L, sinh năm 1962; bị cáo có vợ là Lò Thị H, sinh năm 1989 và có 01 con; tiền sự: Không.

Tiền án: 04

- Năm 2011, Lương Văn L bị Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 19/2011/HSST ngày 12/01/2011.

- Năm 2013, Lương Văn L bị Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 29/2013/HSST ngày 17/01/2013.

- Năm 2016, Lương Văn L bị Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 21/2016/HSST ngày 07/9/2016.

- Năm 2016, Lương Văn L bị Tòa án nhân dân huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 20/2016/HSST ngày 16/11/2016.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/5/2023, chuyển tạm giam ngày 28/5/2023 cho đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Ngọc Khang – Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 1 – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Lương Văn Đ, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hoá, vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Hà Văn L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

- *Người chứng kiến:* Anh Lục Văn P, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hoá, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 19/5/2023 tổ công tác Đoàn Biên phòng Trung Lý – Bộ đội Biên phòng tỉnh Thanh Hoá phối hợp với Công an xã T thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát tại khu vực bản K, xã N, huyện M, tỉnh Thanh Hóa thì phát hiện hai người đàn ông đang lưu thông trên đường bằng xe máy mang Biển kiểm soát 36B4-350.35 có dấu hiệu nghi vấn nên ra tín hiệu yêu cầu dừng lại để kiểm tra; cùng lúc đó người đàn ông điều khiển xe máy ném 01 (một) túi nilon màu hồng đang cầm trên tay phải xuống đường cách vị trí xe khoảng 02m (hai mét). Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra hai đối tượng trên, qua kiểm tra hai đối tượng không có giấy tờ tùy thân, người điều khiển phương tiện tự khai tên là Lương Văn L, sinh năm 1988 ở bản T, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa và người ngồi sau là Hà Văn L, sinh năm 1989, cùng ở bản T, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa. Tổ công tác đã yêu cầu Lương Văn L nhặt túi nilon màu hồng lên và tự mở túi nilon để kiểm tra, phát hiện bên trong có các cục bột màu trắng. Lương Văn L khai nhận đó là ma túy do L mua từ Lào về để sử dụng, tổ công tác đã tuyên bố bắt người phạm tội quả tang, tiến hành dẫn giải người, phương tiện, tang vật về Đoàn Biên phòng Trung Lý để điều tra theo quy định.

Quá trình điều tra, Lương Văn L khai nhận: Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 19/5/2023, Lương Văn L gọi điện thoại cho anh Hà Văn L ở cùng bản để rủ L đi sang bản Khăm Nàng – Nước CHDCND Lào chơi. L trả lời là “tao không có tiền”, L nói “tao có tiền, mày có đi không”, L trả lời “mày qua đón tao đi”. L lấy

xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, màu đen đỏ, mang Biển kiểm soát 36B4-350.35 đi đến nhà Liềm để đón Liềm rồi cùng nhau sang bản Khăm Nàng - Lào chơi. Khi sang đến bản Khăm Nàng - Lào thì có gặp một người phụ nữ (L không biết rõ tên, tuổi), L hỏi người này có bán ma túy không? Người phụ nữ trên trả lời là “có, đưa tiền đây tao bán cho”. Sau đó L và L cùng nhau vào nhà người phụ nữ đó; khi vào đến nhà L ngồi ngoài bàn uống nước còn L đi theo người phụ nữ vào trong nhà để mua ma túy. L lấy trong túi 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) đưa cho người phụ nữ trên, người này nhận tiền xong bảo L đứng chờ rồi vào trong phòng ngủ khoảng 05 phút sau thì ra đưa cho L 01 (một) túi nilon màu hồng bên trong có chứa ma túy. Sau khi thực hiện việc mua, bán ma túy L và người phụ nữ này cùng nhau đi ra ngoài bàn uống nước chỗ L đang ngồi, người phụ nữ đặt lên bàn 05 (năm) viên màu hồng (hồng phiến) để mời L và L sử dụng. Thấy vậy L lấy một ít ma túy vừa mua được trong túi nilon màu hồng ra để sử dụng cùng L, sau khi sử dụng ma túy xong L cầm gói nilon màu hồng bên trong chứa ma túy còn lại trên tay, rồi cùng L đi bộ theo con đường cũ hướng ra cầu G9 để lấy xe máy đi về nhà. Khi đi được một đoạn thì L phát hiện có lực lượng Biên phòng cùng với Công an đang làm nhiệm vụ phía trước nên L ném túi nilon màu hồng đang cầm trên xuống đường nhưng bị tổ công tác phát hiện, kiểm tra và bắt giữ.

Tại kết luận giám định số 1890/KL-KTHS ngày 21/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- *Các cục vụn màu trắng ngà của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 4,872g (bốn phẩy tám bảy hai gam) loại: Heroine.*

Về vật chứng và xử lý vật chứng trong vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, màu đen – đỏ, BKS: 36-B4 350.35, số khung: RLHJA3100EY056160, số máy: JA31E-0196636, xe đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của ông Lương Văn Đ, sinh năm 1958, trú tại bản T, xã T, huyện M là bố đẻ của L. Khi L lấy xe máy để chở L đi mua ma túy ông Đ không biết và liên quan đến hành vi phạm tội của Lương Văn L nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát đã trả lại chiếc xe mô tô nói trên cho ông Lương Văn Đ theo quy định của pháp luật.

- 01 một phong bì niêm phong mẫu vật còn lại sau giám định do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành mặt trước có chữ “Lương Văn L, Hà Văn L” mặt sau có các chữ ký của Lê Xuân Hà, Nguyễn Trần Đăng và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá làm giáp lại;

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu VIVO màu xanh ngọc bích, đã qua sử dụng.

Các vật chứng nêu trên hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát.

- Đối với Hà Văn L người cùng đi với bị cáo Lương Văn L đến bản Khăm Nàng – Nước CHDCND Lào để chơi, sau đó cùng L sử dụng trái phép chất ma túy, do việc sử dụng ma túy diễn ra tại bản Khăm Nàng, Nước CHDCND Lào và

L chỉ là người cùng đi với L. L không biết và không liên quan đến hành vi L tàng trữ ma túy do vậy, không có căn cứ để xử lý L theo luật định.

- Đối với người phụ nữ theo lời khai của Lương Văn Loan và Hà Văn L là người đã bán ma túy cho Lương Văn L, sau đó mời L và L sử dụng ma túy. Do việc trao đổi và mua bán diễn ra tại bản Khăm Nàng, nước CHDCND Lào do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra có thẩm quyền sẽ tiến hành xác minh làm rõ, nếu có đủ căn cứ thì xử lý trong vụ án khác.

Tại bản Cáo trạng số: 50/CT-VKS-ML ngày 28/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá truy tố bị cáo Lương Văn L về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

Quá trình điều tra xác định bị cáo làm nghề tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản có giá trị nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy 01 một phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành mặt trước có chữ “Lương Văn L, Hà Văn L” mặt sau có các chữ ký của Lê Xuân Hà, Nguyễn Trần Đăng và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá đựng mẫu vật còn lại sau giám định. Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu VIVO màu xanh ngọc bích, đã qua sử dụng. các vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa: Đồng ý với tội danh mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố đối với bị cáo; thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên về việc đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo; tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực chỉ để nhằm mục đích thoả mãn nhu cầu cá nhân do bị cáo thiếu làm chủ, để bản thân sa vào tệ nạn xã hội nên mua ma túy với mục đích để sử dụng, bị cáo là người dân tộc thiểu số, gia đình là hộ nghèo; nhận thức pháp luật hạn chế, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật

mà yên tâm cải tạo, sửa chữa lỗi lầm; đề nghị miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo thành khẩn nhận tội, bị cáo đồng ý với lời bào chữa của người bào chữa và không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

Trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp nhất để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn nhận tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 22 giờ, ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại khu vực bản Kéo Té, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá. Tổ công tác của Đoàn Biên Phòng Trung Lý – Bộ đội Biên phòng tỉnh Thanh Hoá và Công an xã T, huyện M đã phát hiện Lương Văn L đang điều khiển xe máy Biển kiểm soát: BKS: 36-B4 350.35 chở theo Hà Văn L đi trên đường, khi phát hiện tổ công tác L đã ném xuống đường một túi nilon màu hồng. Tổ công tác yêu cầu L nhặt túi nilon và mở kiểm tra phát hiện bên trong có các cục bột màu trắng, L khai nhận đây là Heroine mà L mua của một người phụ nữ không quen biết tại bản Khảm Nàng – Nước CHDCND Lào về để sử dụng.

Bản kết luận giám định số 1890/KL-KTHS ngày 21/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Các cục bột màu trắng ngà của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 4,872g (bốn phẩy tám bảy hai gam) loại: Heroine (Heroin). Như vậy, hành vi của bị cáo L tàng trữ khối lượng ma túy là trên 0,1g và dưới 05g đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái pháp chất ma túy”. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Lương Văn L đã có 04 tiền án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý, trong đó đã hai lần bị áp

dụng tình tiết tăng nặng định khung tái phạm nguy hiểm do đó hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[3]. Xét tính chất vụ án: Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về ma túy, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an ninh, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và cũng đã nhận thức được ma túy là chất bị Nhà nước nghiêm cấm mua bán, tàng trữ do những tác hại xấu đến đời sống kinh tế, xã hội cũng như sức khỏe của con người, là mầm mống phát sinh các loại tội phạm khác, nhưng để thỏa mãn nhu cầu cá nhân, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Để pháp luật được tôn trọng, trật tự an toàn xã hội được duy trì; để giáo dục người phạm tội, đấu tranh phòng ngừa tội phạm, hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật hình sự.

[4]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tuy nhiên bị cáo là người nghiện ma túy và có 04 tiền án, mặc dù bị cáo đã có 04 lần bị Tòa án xét xử, áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc nhưng bị cáo không coi đó là cơ hội, bài học để sửa chữa, rèn luyện bản thân mà tiếp tục sa vào tệ nạn xã hội, thể hiện việc bị cáo không có khả năng tự cải tạo, lao động để trở thành công dân tốt vì vậy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo.

Hội đồng xét xử cũng xét: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo vì vậy nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt khi lượng hình, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật để bị cáo yên tâm cải tạo, sửa chữa lỗi lầm.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, lao động tự do không có thu nhập ổn định, không có tài sản cá nhân nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về vật chứng, tài sản thu giữ trong vụ án:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, màu đen – đỏ, BKS: 36-B4 350.35, số khung: RLHJA3100EY056160, số máy: JA31E-0196636, xe đã qua sử dụng. Xét thấy, đây là tài sản hợp pháp của ông Lương Văn Đ, sinh năm 1958, trú tại bản T, xã T, huyện M; ông Đ không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Lương Văn L, nên Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Lát đã trả lại chiếc xe mô tô nói trên cho ông Lương Văn Đ là phù hợp quy định pháp luật.

- Đối với vật chứng là 01 một phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành mặt trước có chữ “Lương Văn L, Hà Văn L” mặt sau có các chữ ký của Lê Xuân Hà, Nguyễn Trần Đăng và các hình dấu của Phòng kỹ

thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá đựng mẫu vật còn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu tiêu huỷ;

- Đối với tài sản thu giữ của bị cáo là: 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu VIVO màu xanh ngọc bích, đã qua sử dụng. Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[7]. Về án phí:

Bị cáo là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố: Bị cáo **Lương Văn L** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Căn cứ: Điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Lương Văn L **06 (Sáu)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 19/5/2023.

- Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu huỷ 01 một phong bì đựng mẫu vật còn lại sau giám định. do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành mặt trước có chữ “Lương Văn L, Hà Văn L” mặt sau có các chữ ký của Lê Xuân Hà, Nguyễn Trần Đăng và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá làm giáp lai.

+ Trả lại cho bị cáo Lương Văn L 01 điện thoại di động, nhãn hiệu VIVO màu xanh ngọc bích, đã qua sử dụng.

Các vật chứng, tài sản hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/8/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát.

- Về án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 2, Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản

án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có QL&NV liên quan;
- VKSND huyện Mường Lát;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Mường Lát;
- UBND xã T, huyện M;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Lê Văn Minh